

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày: 11-01-2023

V/v “tranh chấp thừa kế”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn An

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Đức Xuân

Ông Trần Văn mười

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2022/TLDS-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3033/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1971; Cư trú tại: 113 A, phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Thành L – Văn phòng Luật sư L – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị S, sinh năm 1945. Cư trú tại: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974; Cư trú tại: ấp E, xã G, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hồ Như T, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2. Ông Hồ Hoàng H1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: 348, CD # 105, SJ, California, Hoa Kỳ;

3. Bà Hồ Thị Thanh T1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

4. Ông Hồ Minh H2, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: 2358, SD, SP, California, Hoa kỳ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Như T, ông Hoàng H1, bà Thanh T1, ông Minh H2:* Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1971. Cư trú tại: 113 A, phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/11/2015) (có mặt).

5. Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1965 (có mặt);

6. Bà Ngô Thị Kim T2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

7. Anh Nguyễn Hữu Ngô C, sinh năm 1987 (có mặt);

8. Anh Nguyễn Hữu Anh K, sinh năm 1990 (có mặt);

Cùng cư trú tại: ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Ông Hồ Ngọc H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Cụ Hồ Văn B (chết ngày 28/01/1973) và cụ Bùi Thị P (chết ngày 12/10/1987) là ông bà nội của nguyên đơn Hồ Ngọc H. Lúc còn sống, hai cụ có tạo lập được một căn nhà và 01 phần đất diện tích 1.024m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 972,3m<sup>2</sup>) thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang, do cụ Bùi Thị P đứng tên chủ sử dụng trong sổ mục kê ruộng đất của Ủy ban nhân dân xã M lập ngày 08/4/1985.

Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P có 02 người con gồm:

1. Bà Hồ Thị S, sinh năm 1945;

2. Ông Hồ Văn Q (chết ngày 25/5/1987).

Ông Hồ Văn Q có 05 người con là Hồ Ngọc H, Hồ Như T, Hồ Thị Thanh T1, Hồ Minh H2 và Hồ Hoàng H1.

Cụ B, cụ P chết không để lại di chúc. Do đó, nguyên đơn Hồ Ngọc H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Như T, Hồ Thị Thanh T1, Hồ Minh H2, Hồ Hoàng H1 khởi kiện Bà Hồ Thị S, yêu cầu Bà S chia di sản thừa kế của Cụ B và cụ P cho Bà Hồ Thị S và thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q mỗi người được nhận một kỹ phần bằng nhau. Tuy nhiên, theo phong tục tập quán thì Ông H là cháu nội của Cụ B, cụ P nên có nghĩa vụ thờ cúng ông bà. Vì vậy, Ông H xin được nhận toàn bộ nhà, đất nêu trên và đồng ý hoàn 50% giá trị tài sản cho Bà Hồ Thị S theo Chứng thư thẩm định giá của Saigonap.

Đối với yêu cầu của Ông Nguyễn Hữu H3 (con của Bà Hồ Thị S) về việc xem xét công sức quản lý, gìn giữ di sản thì Ông H không đồng ý vì Ông H3 không có công sức đóng góp, gìn giữ di sản mà ngược lại còn có hành vi chiếm đoạt di sản làm tài sản riêng của Ông H3.

*\*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hồ Thị S là ông Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Bà Hồ Thị S thống nhất với lời trình bày của Ông Hồ Ngọc H về di sản thừa kế, hàng thừa kế của Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P. Bà S cũng thống nhất với kết quả định giá tài sản của Công ty cổ phần giám định thẩm định SG (gọi tắt là Saigonap) và không yêu cầu định giá lại.

Trước đây Bà S có yêu cầu Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện chia thừa kế có còn hay không nhưng nay Bà S rút lại yêu cầu này. Tuy nhiên, Bà S yêu cầu Tòa án xem xét khi chia di sản thừa kế của Cụ B và cụ P theo pháp luật thì phải xem xét công sức quản lý, gìn giữ di sản của Ông Nguyễn Hữu H3 (con ruột Bà S), cụ thể phải chia cho Ông Nguyễn Hữu H3 một phần diện tích đất khoảng 150m<sup>2</sup> để gia đình Ông H3 ổn định cuộc sống.

Trường hợp Tòa án không xem xét công sức quản lý, gìn giữ di sản của Ông H3 thì Bà S yêu cầu được hưởng 60% di sản thừa kế và xin nhận bằng hiện vật. Yêu cầu chia cho Bà S phần đất có căn nhà. Bà S đồng ý hoàn giá trị tài sản chênh lệch nếu có cho các anh chị em của Ông Hồ Ngọc H theo kết quả định giá.

*\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

-*Ý kiến của Ông Nguyễn Hữu H3:* Ông là con ruột của Bà Hồ Thị S đã quản lý, gìn giữ di sản thừa kế của Cụ B, cụ P từ năm 1983 đến nay. Ông cũng là người trực tiếp nhang khói, thờ cúng ông bà ngoại của ông là Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P. Ngoài nhà, đất đang quản lý, sử dụng thì gia đình ông không có nhà, đất ở nơi nào khác. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án xem xét công sức của ông, cụ thể là chia cho ông 167m<sup>2</sup> của thửa đất số 112, tờ bản đồ số 9 nêu trên để gia đình ông ổn định cuộc sống.

Quá trình quản lý, gìn giữ di sản ông có bỏ ra một số tiền để sửa chữa căn nhà như lát nền, thay cửa chính. Tuy nhiên, do không có chứng từ, hóa đơn chứng minh và không nhớ rõ số tiền sửa chữa là bao nhiêu nên ông không có yêu cầu hoàn trả chi phí sửa chữa này.

-*Ý kiến của Anh Nguyễn Hữu Ngô C:* Anh là con ruột của Ông Nguyễn Hữu H3 và Bà Ngô Thị Kim T2 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của Ông H3, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết để gia đình anh ổn định cuộc sống.

- Bà Ngô Thị Kim T2, Anh Nguyễn Hữu Anh K mặc dù đã được tổng đạt “Thông báo về việc thụ lý vụ án” và các văn bản tố tụng khác nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Ý kiến của Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2 có đại diện theo ủy quyền là Ông Hồ Ngọc H:* Thống nhất với lời trình bày của Luật sư Nguyễn Thành L

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:**

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Hồ Ngọc H.

2/- Chia di sản thừa kế của Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P cho Ông Nguyễn Hữu H3, Bà Hồ Thị S và người thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q, cụ thể như sau :

*-Chia cho Ông Nguyễn Hữu H3:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 167m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

*-Chia cho Bà Hồ Thị S:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 384,4m<sup>2</sup> trong đó có 132,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 251,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

+ 01 căn nhà gắn liền với đất gồm: Nhà ở có trần, diện tích 84,44m<sup>2</sup>, kết cấu nhà trệt, cột gỗ, mái tole xi-măng, vách tường, nền gạch ceramic (60 x 60)cm, trong đó có một phần có trần; Nhà ở không có trần diện tích 61,56m<sup>2</sup>, nền xi-măng, cột bê-tông, mái tole xi-măng, có 02 vách tường; Nhà vệ sinh lót gạch diện tích 1,86m<sup>2</sup>, vách tường, mái tole, tường ốp gạch (25 x 40)cm, có một phần lót gạch ceramic (25 x 25)cm; Nhà vệ sinh không lót gạch, nền xi-măng, diện tích 2,59m<sup>2</sup>;

+ Cổng rào diện tích 5,03m<sup>2</sup>, trụ gạch (25 x25) cm, cửa cổng khung sắt lưới B40; Hàng rào diện tích 23,68m<sup>2</sup>, cột bê-tông, lưới kẽm gai; Tường rào: Diện tích 37,14m<sup>2</sup>, tường gạch chưa tô trát; Mái che bên hông nhà: Diện tích 30,60m<sup>2</sup>, cột bê-tông, nền đất, mái tole; Mái che phía sau nhà: Diện tích 7,02m<sup>2</sup>, cột bê-tông, mái tole xi-măng, nền xi-măng;

+Cây trồng trên đất: 01 cây nhãn loại D, 01 cây mận loại D, 01 cây đu đủ loại A, 02 cây đu đủ loại C.

*-Chia cho những người thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q gồm Ông Hồ Ngọc H, Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2, đại diện là Ông Hồ Ngọc H được nhận:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 421,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

+ Hàng rào: Diện tích 65,84m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê-tông, lưới kẽm gai; tường rào: Diện tích 30,26m<sup>2</sup>, kết cấu tường xây gạch chưa tô trát; Mái che: Diện tích 27,06m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê-tông, mái tole, nền đất;

+ Cây trồng trên đất: 02 cây nhãn loại D, 01 cây mãng cầu ta loại B1, 02 bụi chuối loại A, 01 cây dứa loại B2, 08 cây kiềng đường kính từ 05-10cm; 02 cây kiềng đường kính từ 10-20cm.

Ông Nguyễn Hữu H3, Bà Hồ Thị S và Ông Hồ Ngọc H được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

Buộc Ông Nguyễn Hữu H3 phải giao nhà, đất được chia như đã nêu trên cho Ông Hồ Ngọc H và Bà Hồ Thị S khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu H3, bà Nguyễn Thị Kim T2, Anh Nguyễn Hữu Ngô C, Anh Nguyễn Hữu Anh K được lưu cư trên nhà, đất chia cho Bà S thời gian 06 tháng. Hết thời gian lưu cư phải giao nhà, đất lại cho Bà S theo quyết định này.

Buộc Bà Hồ Thị S phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho Ông Hồ Ngọc H, Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2 (đại diện là Ông Hồ Ngọc H được nhận) số tiền 179.675.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2022, nguyên đơn Ông Hồ Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chia cho Ông Nguyễn Hữu H3 diện tích 167 m<sup>2</sup>; Giao cho Ông Hồ Ngọc H toàn bộ phần đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất, Ông H đồng ý hoàn lại 50% giá trị tài sản cho Bà S.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Nguyên đơn Ông Hồ Ngọc H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thành L trình bày: Di sản là của ông bà để lại cho các con. Theo phong tục tập quán của người Việt Nam ta thì con trai luôn là người có nghĩa vụ phải thờ cúng, lo hương khói cho ông bà cha mẹ đã mất nên ông mong muốn được chia phần đất có nhà để có thể thuận tiện hương khói và giữ trọn đạo làm con cũng là hợp với lẽ thường tình. Ông không đồng ý tính công sức và chia đất cho Ông H3 do Ông H3 có hành vi chiếm đoạt đất của ông bà ông. Nếu Ông H nhận được phần diện tích đất nhiều hơn và có nhà thì Ông H sẵn sàng hoàn lại số tiền chênh lệch cho Bà S (nếu có).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu H3 không đồng ý với yêu cầu của Ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét diện tích đất là di sản thừa kế của Cụ B và cụ P. Sau khi hai cụ chết đi thì anh Nguyễn Hữu H3 là người trực tiếp quản lý, sử dụng, ở trên mảnh

đất này. Trong quá trình sử dụng, anh H3 đã có công sức bảo quản và tôn tạo di sản nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh H3 một phần diện tích đất là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Ông H cho rằng ông là cháu trai của hai cụ, là người trực tiếp lo việc thờ cúng, nhang đèn, đám giỗ hằng năm nên phải được chia căn nhà và không đồng ý tính công sức gìn giữ cho anh H3 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Hồ Ngọc H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Hồ Ngọc H trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

### **[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:**

**[2.1]** Theo những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cụ Hồ Văn B (chết ngày 28/01/1973) và cụ Bùi Thị P (chết ngày 12/10/1987) có 02 người con gồm Bà Hồ Thị S và Ông Hồ Văn Q (chết ngày 25/8/1987). Ông Hồ Văn Q có 05 người con là Hồ Ngọc H, Hồ Như T, Hồ Thị Thanh T1, Hồ Minh H2 và Hồ Hoàng H1.

Sinh thời, Cụ B và cụ P có tạo lập được khối tài sản gồm 1.042m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 641, loại đất QT và một căn nhà, cây trồng trên đất (Mục kê 299). Qua đo đạc thực tế xác định phần đất có diện tích 972,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, tọa lạc tại ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang do cụ Bùi Thị P đứng tên kê khai trong sổ mục kê ruộng đất.

Năm 1973 Cụ Hồ Văn B chết, cụ Bùi Thị P tiếp tục sử dụng nhà, đất. Năm 1987 cụ Bùi Thị P chết. Lúc này gia đình Ông Hồ Ngọc H sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, nên Ông Nguyễn Hữu H3 là cháu ngoại của hai cụ (con của Bà Hồ Thị S) về ở trên nhà, đất này để quản lý và hương khói cho ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thống nhất xác định nhà, đất nêu trên là di sản thừa kế của Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P; Thống nhất về hàng thừa kế và đồng ý chia di sản thừa kế của Cụ B, cụ P cho Bà Hồ Thị S và thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q. Việc thỏa thuận này của các đương sự là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, phù hợp pháp luật nên có đủ cơ sở xác định phần đất thuộc thửa 641, loại đất QT và một căn nhà, cây trồng trên đất tại ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (thửa mới là thửa 112, tờ bản đồ số 9, đo đạc thực tế 972,3m<sup>2</sup>) là di sản thừa kế của Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P chết để lại.

**[2.2]** Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ tại các Bút lục số 37, 38, 92, 112, 113, 149, xác định cụ P chết vào ngày 12/10/1987. Đến ngày 13/9/2017, Ông Hồ

Ngọc H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ B, cụ P cho Bà Hồ Thị S và thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q là phù hợp với các quy định của pháp luật vì thời hiệu khởi kiện thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 632 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Do Cụ B và cụ P chết không để lại di chúc, nên di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật thành 02 (hai) phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất là Bà Hồ Thị S và thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q gồm Ông Hồ Ngọc H, Bà Hồ Như T, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2 và Ông Hồ Hoàng H1. Mặt khác, mặc dù Ông Nguyễn Hữu H3 (cháu ngoại của Cụ B và cụ P) không phải là người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất, nhưng Ông H3 là người trực tiếp quản lý, gìn giữ di sản, thờ cúng ông bà ngoại từ năm 1987 đến nay, nên khi xem xét chia thừa kế cần tính đến công sức của Ông H3 đã tôn tạo và làm tăng giá trị của đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng ghi nhận yêu cầu của Ông H3 về việc xem xét đến công sức gìn giữ và tôn tạo di sản. Vì vậy, cần phải chia cho Ông H3 một phần diện tích đất 167m<sup>2</sup> để gia đình Ông H3 ổn định cuộc sống. Phần còn lại sẽ chia đều cho Bà S và thừa kế thế vị của ông Quý mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau.

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản đã được các đương sự thống nhất thì di sản thừa kế của Cụ B và cụ P có tổng giá trị là 8.171.647.000 đồng, trừ đi phần đất 167m<sup>2</sup> chia cho Ông H3 trị giá 1.282.226.000 đồng thì phần còn lại trị giá 6.889.421.000 đồng sẽ được chia làm hai kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 3.444.710.500 đồng.

[2.4] Xét nhu cầu thực tế sử dụng đất của các đương sự, cần chia cho Bà Hồ Thị S phần đất có diện tích 384,4m<sup>2</sup> và căn nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất (phần đất nằm cạnh phần đất chia cho Ông Nguyễn Hữu H3 theo sơ đồ) có tổng giá trị là 3.626.780.000 đồng; Chia cho thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q 421,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và công trình xây dựng, cây trồng trên đất (phần đất hướng nam giáp đường bê tông theo sơ đồ) có tổng giá trị là 3.262.641.000 đồng; Buộc Bà S hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q với số tiền 179.675.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Ông Hồ Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2 được nhận kỷ phần thừa kế của Ông Hồ Văn Q, nếu có tranh chấp phần của mỗi người sau này sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Nhà, đất trên hiện do Ông H3 quản lý, sử dụng nên cần buộc Ông H3 phải giao nhà, đất được chia cho Bà S và Ông H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H3, Bà T2, Anh C, Anh K được lưu cư trên nhà, đất chia cho Bà S thời gian 06 tháng. Hết thời gian lưu cư phải giao nhà, đất lại cho Bà S theo quy định.

Ông Nguyễn Hữu H3, Bà Hồ Thị S và Ông Hồ Ngọc H được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông H là hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật. Ông H kháng cáo không chấp nhận tính công sức gìn giữ, tôn tạo của Ông H3 và yêu cầu được chia

phần đất, tài sản đã chia cho Bà S là không có cơ sở và không hợp lý nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp thuận.

**[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:** Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Hồ Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4]** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Hồ Ngọc H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Hồ Ngọc H.

2/- Chia di sản thừa kế của Cụ Hồ Văn B và cụ Bùi Thị P cho Ông Nguyễn Hữu H3, Bà Hồ Thị S và người thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q, cụ thể như sau:

*-Chia cho Ông Nguyễn Hữu H3:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 167m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

*-Chia cho Bà Hồ Thị S:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 384,4m<sup>2</sup> trong đó có 132,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 251,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

+ 01 căn nhà gắn liền với đất gồm: Nhà ở có trần, diện tích 84,44m<sup>2</sup>, kết cấu nhà trệt, cột gỗ, mái tole xi-măng, vách tường, nền gạch ceramic (60 x 60)cm, trong đó có một phần có trần; Nhà ở không có trần diện tích 61,56m<sup>2</sup>, nền xi-măng, cột bê-tông, mái tole xi-măng, có 02 vách tường; Nhà vệ sinh lát gạch diện tích 1,86m<sup>2</sup>,



vách tường, mái tole, tường ốp gạch (25 x 40)cm, có một phần lót gạch ceramic (25 x 25)cm; Nhà vệ sinh không lót gạch, nền xi-măng, diện tích 2,59m<sup>2</sup>;

+ Cổng rào diện tích 5,03m<sup>2</sup>, trụ gạch (25 x 25) cm, cửa cổng khung sắt lưới B40; Hàng rào diện tích 23,68m<sup>2</sup>, cột bê-tông, lưới kẽm gai; Tường rào: Diện tích 37,14m<sup>2</sup>, tường gạch chưa tô trát; Mái che bên hông nhà: Diện tích 30,60m<sup>2</sup>, cột bê-tông, nền đất, mái tole; Mái che phía sau nhà: Diện tích 7,02m<sup>2</sup>, cột bê-tông, mái tole xi-măng, nền xi-măng;

+ Cây trồng trên đất: 01 cây nhãn loại D, 01 cây mận loại D, 01 cây đu đủ loại A, 02 cây đu đủ loại C.

*- Chia cho những người thừa kế thế vị của Ông Hồ Văn Q gồm Ông Hồ Ngọc H, Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2, đại diện là Ông Hồ Ngọc H được nhận:*

+ 01 phần đất thuộc thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 421,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Ấp I 2, xã M, huyện D, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

+ Hàng rào: Diện tích 65,84m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê-tông, lưới kẽm gai; Tường rào: Diện tích 30,26m<sup>2</sup>, kết cấu tường xây gạch chưa tô trát; Mái che: Diện tích 27,06m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê-tông, mái tole, nền đất;

+ Cây trồng trên đất: 02 cây nhãn loại D, 01 cây măng cầu ta loại B1, 02 bụi chuối loại A, 01 cây dừa loại B2, 08 cây kiếng đường kính từ 05-10cm; 02 cây kiếng đường kính từ 10-20cm.

Ông Nguyễn Hữu H3, Bà Hồ Thị S và Ông Hồ Ngọc H được quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

Buộc Ông Nguyễn Hữu H3 phải giao nhà, đất được chia như đã nêu trên cho Ông Hồ Ngọc H và Bà Hồ Thị S khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu H3, bà Nguyễn Thị Kim T2, Anh Nguyễn Hữu Ngô C, Anh Nguyễn Hữu Anh K được lưu cư trên nhà, đất chia cho Bà S thời gian 06 tháng. Hết thời gian lưu cư phải giao nhà, đất lại cho Bà S theo quyết định này.

Buộc Bà Hồ Thị S phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho Ông Hồ Ngọc H, Bà Hồ Như T, Ông Hồ Hoàng H1, Bà Hồ Thị Thanh T1, Ông Hồ Minh H2 (đại diện là Ông Hồ Ngọc H được nhận) số tiền 179.675.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000211 ngày 20/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang (2);
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự (10);
- Lưu HS (2), VP (5) (23b) (NVC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn An**